



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1177/QĐ - ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: **Tài chính – Ngân hàng**

Tiếng Anh: **Finance - Banking**

I.2. Tên ngành: Tài chính- Ngân hàng

Mã số: 52340201

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 144 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và Quốc phòng – An ninh) .

I.8. Khoa/viện quản lý: Khoa Kế toán - Tài chính

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu cùng với những kỹ năng giúp người học sau khi học xong chương trình có thể thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học Tài chính Ngân hàng cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, có đạo đức, tri thức, tư duy độc lập, năng lực phê phán và trách nhiệm cá nhân, sức khỏe, thẩm mỹ, khả năng đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng trình độ đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

II.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1. Về kiến thức: sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nền tảng và hiện đại về quản trị tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính khác, quản lý rủi ro tài chính và quản lý danh mục đầu tư.
2. Về kỹ năng: sinh viên ra trường có kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.



3. Về thái độ: sinh viên được rèn luyện thành những công dân có đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

▪ Có lập trường chính trị tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

▪ Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc

B. Kiến thức

Kiến thức đại cương

▪ B.1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quân sự; hình thành được thế giới quan và phương pháp luận khoa học để làm cơ sở cho việc tiếp cận, lĩnh hội các vấn đề chuyên môn và thực tiễn; có hiểu biết cơ bản về thể dục thể thao và phương pháp rèn luyện sức khỏe.

▪ B.2. Hiểu và áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận vấn đề thuộc ngành đào tạo.

Kiến thức cơ sở ngành

▪ B.3. Có kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các học phần thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán.

Kiến thức chuyên ngành

▪ B.4. Có kiến thức chuyên môn về chuyên ngành tài chính: quyết định đầu tư kinh doanh, quyết định tài trợ kinh doanh, quyết định phân phối lợi nhuận, quyết định quản trị rủi ro tài chính; quản trị tài sản ngắn hạn và đầu tư tài chính; lập và thẩm định dự án đầu tư.

▪ B.5. Có kiến thức chuyên môn về các luật thuế, luật các tổ chức tín dụng.

▪ B.6. Có kiến thức chuyên môn về các hoạt động của ngân hàng thương mại như thẩm định tín dụng, kế toán ngân hàng, thanh toán qua hệ thống ngân hàng trong nước và quốc tế và kiến thức chung về quản trị ngân hàng thương mại.

▪ B.7. Có kiến thức chuyên môn về thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp.

C. Kỹ năng

▪ C.1. Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phản biện và làm việc nhóm; kỹ năng rèn luyện sức khỏe.

▪ C.2. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn.

▪ C.3. Ứng dụng thành thạo các phần mềm phân tích tài chính, lập và thẩm định dự án đầu tư, phần mềm đầu tư, phần mềm quản trị tài sản trong doanh nghiệp, phần mềm dự báo các báo cáo tài chính.

▪ C.4. Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực kinh tế như: kế toán, kiểm toán, tài chính và ngân hàng cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

▪ C.5. Kiểm soát rủi ro tài chính trong doanh nghiệp, trong đầu tư tài chính và quản trị rủi ro tại Ngân hàng thương mại

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại:

- Các cơ sở kinh doanh
- Tổ chức tài chính trung gian (Ngân hàng thương mại, Công ty tài chính, Quỹ đầu tư, Công ty chứng khoán...)
- Cơ quan quản lý nhà nước về tài chính (Cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Sở Tài chính...)
- Cơ sở đào tạo, nghiên cứu về tài chính, ngân hàng.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	56	39	46	40	10	34
1. Khoa học xã hội và nhân văn	24	17	18	16	6	21
2. Toán, khoa học tự nhiên và môi trường	13	9	11	10	2	7
3. Ngoại ngữ	8	6	8	7	0	0
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	8	9	8	2	7
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	61	69	60	19	66
1. Kiến thức cơ sở ngành	36	25	30	26	6	21
2. Kiến thức ngành (kể cả tốt nghiệp)	52	36	39	34	13	45
Tổng cộng	144	100	115	100	29	100

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		56				
I	Khoa học xã hội và nhân văn	24				
I.1.	Các học phần bắt buộc	18				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2				A, B.1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3			1	A, B.1.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	A, B.1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3	A, B.1
5	Pháp luật đại cương	2				A, B.2
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				C.1
7	Nhập môn quản trị học	2				B.2
8	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				B.2
I.2	Các học phần tự chọn	6				
9	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				B.2, C.1
10	Tâm lý học đại cương	2				B.2
11	Logic học đại cương	2				B.2
12	Lịch sử văn minh thế giới	2				B.2
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				B.2
14	Nhập môn hành chính nhà nước	2				B.2
II	Giáo dục thể chất và QP-AN	11				
II.1	Các học phần bắt buộc	9				
15	Điền kinh	1				A, B.1
16	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3				A, B.1
17	Công tác quốc phòng – an ninh	2				A, B.1
18	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3				A, B.1
II.2	Các học phần tự chọn	2				
19	Bóng đá	1				A, B.1, C.1
20	Bóng chuyền	1				A, B.1, C.1
21	Cầu lông	1				A, B.1, C.1
22	Võ thuật	1				A, B.1,



TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
						C.1
23	Bơi lội	1				A, B.1, C.1
III	Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	13				
III.1	Các học phần bắt buộc	11				
24	Giải tích	3				B.2
25	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3				B.2
26	Đại số tuyến tính	2				B.2
27	Tin học cơ sở	2				B.2
28	Thực hành tin học cơ sở	1				B.2
III.2	Các học phần tự chọn	2				
29	Con người và môi trường	2				B.2
30	Biến đổi khí hậu	2				B.2
IV	Ngoại ngữ	8				
31	Ngoại ngữ 1	4				C.2
32	Ngoại ngữ 2	4			32	C.2
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		88				
I	Kiến thức cơ sở	36				
I.1. Các học phần bắt buộc		30				
33	Kinh tế vi mô	3				B.3
34	Kinh tế vĩ mô	3			33	B.3
35	Nguyên lý thống kê kinh tế	2				B.3
36	Kinh tế lượng	3			36	B.3
37	Tài chính tiền tệ	3				B.3
38	Toán tài chính	2				B.3
39	Tài chính doanh nghiệp	3			37	B.3
40	Nguyên lý kế toán	3				B.3
41	Kế toán tài chính	4			40	B.3
42	Bảo hiểm	2			37	B.3
43	Tài chính công	2			37	B.3
Các học phần tự chọn		6				
44	Luật kinh doanh	3				B.3
45	Marketing căn bản	3				B.3
46	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				B.3, C.3
47	Kế toán quản trị	3			40	B.3
48	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3				B.3
II	Kiến thức ngành	42				
II.1	Các học phần bắt buộc	39				
49	Thị trường chứng khoán	3			37	B.4, C.3,



	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
						C.4
50	Quản trị tài chính 1	3				B.4, C.3, C.4
51	Quản trị tài chính 2	3			50	B.4, C.3, C.4
52	Tài chính quốc tế	3			37	B.4, C.3, C.4
53	Thuế	3			39	B.5, C.3, C.4
54	Ngân hàng thương mại	3			37	B.6, C.3, C.4
55	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			39	B.4, C.3, C.4
56	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3			50	B.4, C.3, C.4
57	Đầu tư tài chính	3			49,50	B.4, C.3, C.4, C.5
58	Thanh toán quốc tế	3			37	B.6, C.3, C.4, C.5
59	Quản trị rủi ro tài chính	3			50	B.4, C.4, C.5
60	Kế toán ngân hàng	2			54	B.6, C.4
61	Thẩm định tín dụng	2			54	B.6, C.4, C.5
62	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2			50	B.7, C.4
	Các học phần tự chọn	3				
63	Quản trị chiến lược	3			7	B.4
64	Quản trị ngân hàng thương mại	3			54	B.6, C.3, C.4
65	Kiểm soát nội bộ	3			40	B.4
III	Tốt nghiệp	10				
66	Khóa luận tốt nghiệp	10				
67	Chuyên đề tốt nghiệp	5				
	<i>Sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp phải chọn 5 TC trong số các học phần sau</i>	5				
68	Các công cụ tài chính phái sinh	3			49	B.4, C.5
69	Mô hình tài chính	3			56,57	B.4, C.3, C.4
70	Tài chính công ty đa quốc gia	2			52	B.4, C.3, C.4
71	Tài chính hành vi	2			50,51	B.4, C.3,

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
						C.4
Số tín chỉ bắt buộc (i)		115				
Số tín chỉ tự chọn (ii)		29				
Tổng số tín chỉ (i+ii)		144				

TỔ CẤP NHẬP


Võ Văn Căn

PHÒNG ĐÀO TẠO


Trần Đoàn Hùng

TRƯỞNG KHOA/VIỆN



HIỆU TRƯỞNG



Trương Sĩ Trung